

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-06-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B , TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tuấn

2. Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B , tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị H1 , sinh năm 1993 (Xin xét xử vắng mặt)

HKTT: Thôn ĐQ , xã ĐS , thành phố B , tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở hiện nay: Xóm N , chợ M , xã SK , thành phố B , tỉnh Bắc Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Trịnh Văn H2 , sinh năm 1991 (Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn ĐQ , xã ĐS , thành phố B , tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 7/4/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn – chị Đỗ Thị H1 trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Trịnh Văn H2 kết hôn với nhau ngày 14/11/2012 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã ĐS , thành phố B , tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn vợ chồng

được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới, chị về làm dâu gia đình anh H2 ngay và vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh H2 tại thôn ĐQ, xã ĐS, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất ĐQ điểm sống, anh H2 thường xuyên ghen tuông vô cớ khiến vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Sau khi mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay vợ chồng chị đã sống ly thân, không ai còn quan tâm tới ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trịnh Văn H2.

Về con chung: Chị và anh Trịnh Văn H2 có 02 con chung là cháu Trịnh Bảo N1, sinh ngày 19/10/2013 và cháu Trịnh Thị Bảo Y1, sinh ngày 09/10/2016. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Thị Bảo Y1, anh H2 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Bảo N1. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị hiện nay đang làm Spa, thu nhập khoảng 9.000.000 đồng/01 tháng, đủ điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai có trong hồ sơ, bị đơn anh Trịnh Văn H2 trình bày: Anh và chị Đỗ Thị H1 kết hôn vào ngày 14/11/2012 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐS, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương thì vợ chồng anh về chung sống với nhau ngay và chung sống cùng bố mẹ anh. Ban đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó thì vợ chồng bất ĐQ điểm sống nên thường xảy ra tranh cãi. Thực tế chị H1 cũng đã nhiều lần làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, sau đó được hai bên gia đình động viên, hòa giải nên vợ chồng lại đoàn tụ nhưng cuộc sống vẫn xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn quan tâm tới ai. Nay chị H1 xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Trịnh Bảo N1, sinh ngày 19/10/2013 và cháu Trịnh Thị Bảo Y1, sinh ngày 09/10/2016. Ly hôn, anh H2 đồng ý nuôi dưỡng cháu Trịnh Bảo N1 còn chị H1 nuôi dưỡng cháu Trịnh Thị Bảo Y1. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc bận nên anh đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc, các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử tại Tòa án.

Tại biên bản làm việc ngày 02/6/2022, bà Nguyễn Thị Loan là mẹ đẻ chị Đỗ Thị H1 cho biết như sau: Chị H1 anh H2 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐS, thành phố B, tỉnh Bắc Giang và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới thì chị H1 chung sống cùng gia đình anh H2 tại thôn ĐQ, xã ĐS, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng chị H1 anh H2 có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H2 thường xuyên ghen tuông. Chị H1 cũng đã nhiều lần làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh H2 nhưng sau khi được hai bên gia đình hòa giải, động viên thì vợ chồng lại về đoàn tụ. Tuy nhiên thì vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn. Từ đầu năm 2022 đến nay thì chị H1 đã về nhà bà đẻ ở. Nay chị H1 xin ly hôn đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, trường hợp chị H1 vẫn cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì gia đình cũng đã hòa giải cho chị H1 anh H2 nhiều lần.

Về con chung: Vợ chồng chị H1, anh H2 có 02 con chung là cháu Trịnh Bảo N1, sinh ngày 19/10/2013 và cháu Trịnh Thị Bảo Y1, sinh ngày 09/10/2016. Hiện nay, cháu N1 đang ở cùng anh H2 còn cháu Y1 đang ở cùng chị H1. Trường hợp chị H1 anh H2 ly hôn thì đề nghị Tòa án giao cho chị H1 anh H2 mỗi người nuôi 01 cháu để các cháu có cuộc sống ổn định.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H1, anh H2 không có.

Tại biên bản xác minh ngày 02/6/2022, ông Trịnh Văn Trang là bố đẻ anh Trịnh Văn H2 cho biết như sau: Năm 2012, anh H2 kết hôn với chị H1 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐS, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới, chị H1 về làm dâu gia đình nhà ông ngay. Trong quá trình chung sống, chị H1 anh H2 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi. Thực tế chị H1 cũng đã nhiều lần làm đơn ra Tòa án xin ly hôn anh H2, sau đó được hai bên gia đình hòa giải, động viên thì vợ chồng lại về đoàn tụ được thời gian ngắn nhưng vẫn xảy ra mâu thuẫn. Chị H1 đã về nhà ngoại ở từ đầu năm 2022 đến nay. Nay chị H1 làm đơn xin ly hôn anh H2 thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vì gia đình cũng đã hòa giải nhiều lần rồi.

Về con chung: Chị H1 anh H2 có 02 con chung là cháu Trịnh Bảo N1, sinh ngày 19/10/2013 và cháu Trịnh Thị Bảo Y1, sinh ngày 09/10/2016. Hiện cháu N1 đang ở cùng anh H2 còn cháu Y1 ở cùng chị H1. Trường hợp chị H1 anh H2 ly

hôn thì đề nghị Tòa án giao cho chị H1 anh H2 mỗi người nuôi 01 cháu để các cháu có cuộc sống ổn định.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H1 , anh H2 không có.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Đỗ Thị H1 và bị đơn anh Trịnh Văn H2 vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51; Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Đỗ Thị H1 được ly hôn anh Trịnh Văn H2 .

Về con chung: Giao cháu Trịnh Bảo N1 , sinh ngày 19/10/2013 cho anh Trịnh Văn H2 trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Trịnh Thị Bảo Y1 , sinh ngày 09/10/2016 cho chị Đỗ Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thị H1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đỗ Thị H1 xin ly hôn anh Trịnh Văn H2 và đề nghị giải quyết việc nuôi con chung của vợ chồng nên đây là quan hệ pháp luật về: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*”. Bị đơn anh Trịnh Văn H2 có địa chỉ tại thôn ĐQ , xã ĐS , thành phố B , tỉnh Bắc Giang nên theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B , tỉnh Bắc Giang.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228;

Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Chị Đỗ Thị H1 và anh Trịnh Văn H2 đều trình bày anh chị kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐS, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Chị H1 cũng đã cung cấp được giấy đăng ký kết hôn bản gốc. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị H1, anh H2 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị H1 xin ly hôn, anh H2 xác định vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn quan tâm tới ai nên anh nhất trí ly hôn. Việc đồng ý ly hôn của anh H2 là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc gì nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H1.

[4] Về con chung: Chị H1 anh H2 đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Bảo N1, sinh ngày 19/10/2013 và cháu Trịnh Thị Bảo Y1, sinh ngày 09/10/2016. Ly hôn, chị H1 anh H2 thống nhất thỏa thuận: Anh H2 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Bảo N1, chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Thị Bảo Y1 nên cần chấp nhận thỏa thuận trên của chị H1 anh H2. Giao cho anh H2 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Bảo N1, chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Thị Bảo Y1. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị H1 anh H2 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H1 anh H2 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Đỗ Thị H1 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Đỗ Thị H1 được ly hôn anh Trịnh Văn H2 .

2. Về con chung: Giao chị Đỗ Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Thị Bảo Y1 , sinh ngày 09/10/2016. Giao anh Trịnh Văn H2 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Bảo N1 , sinh ngày 19/10/2013. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị H1 anh H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị H1 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001498 ngày 27/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B . Chị H1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thành phố B ;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- UBND xã ĐS ; thành phố B ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Thanh Quyên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thành phố B ;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- UBND phường Trần Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Thanh Quyên